TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

2. Bà Hoàng Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vi Văn Đ; sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H khai chị và anh Vi Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống, cứ mỗi khi vợ chồng bảo ban nhau thì lại xảy ra cãi vã, xung đột. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đến nay chị H nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020, không quan tâm gì đến nhau, nên chị H xin ly hôn anh Đ. Vợ chồng có hai con trai chung là Vi Hải S, sinh ngày 11/02/2010 và Vi Minh K, sinh ngày 25/3/2014, hiện đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản, công nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vi Văn Đ đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ không nộp cho cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không nộp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Anh Đ cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Hai người con chung chưa thành niên của vợ chồng đều khai là trong cuộc sống thường ngày thấy bố mẹ hay cãi nhau và có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Đại diện của thôn, công an và chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị H cư trú cho biết năm 2013, vợ chồng chị H và anh Đ chuyển đến sinh sống tại địa phương, chị H là nhân viên thư viện trường học còn anh Đ là lao động tự do. Vợ chồng có hai con trai chung là Vi Hải S, sinh ngày 11/02/2010 và Vi Minh K, sinh ngày 25/3/2014. Tổ hòa giải của thôn có tổ chức hòa giải do chị H có đơn xin ly hôn do anh Đ gây bạo lực trong gia đình, đánh đập chị nhưng do anh Đ không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Chị H xin ly hôn, còn các nguyện vọng khác của vợ, chồng, con thì chính quyền địa phương không nắm được. Anh Đ là lao động tự do và hiện tại vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về; anh Đ cũng không làm thủ tục tạm vắng tại nơi cư trú.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vi Văn Đ; về con chung: Giao hai con chung chưa thành niên cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi, anh Vi Văn Đ không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi

hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung đối với anh Vi Văn Đ, có địa chỉ tại thôn X, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị H và anh Vi Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái, là kết hôn hợp pháp. Theo biên bản khi hòa giải tại thôn, chị H có đơn xin ly hôn là do anh Đ gây bạo lực trong gia đình, đánh đập chị; nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chồng thần kinh không ổn định và tính tình hay nóng nảy, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống, cứ mỗi khi vợ chồng bảo ban nhau thì lại xảy ra cãi vã, xung đột. Sau đó, trong bản tự khai bổ sung, chị H xin rút phần trình bày khi hòa giải tại thôn về lý do xin ly hôn là do anh Đ gây bạo lực trong gia đình, đánh đập chị và xin rút phần trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chồng thần kinh không ổn định; lý do là chị không có tài liệu, chứng cứ về việc đó để cung cấp cho Tòa án; còn những trình bày khác về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì chị H vẫn giữ nguyên. Dù nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị H trình bày thay đổi như vậy nhưng chị H khẳng định là tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020. Căn cứ vào lời khai của chị H cũng như các tài liệu, chứng cứ mà chị H đã nộp cho Tòa án, các bản tự khai nguyện vọng của con chung cũng như thông tin do đại diện của thôn, chính quyền địa phương nơi vợ chồng cư trú cung cấp thì Tòa án thấy vợ chồng chị H và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị H ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con trai chung là Vi Hải S, sinh ngày 11/02/2010 và Vi Minh K, sinh ngày 25/3/2014, hiện đang ở cùng với chị H. Xét yêu cầu của chị H và nguyện vọng của các con chung, cần căn cứ các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung chưa thành niên cho chị H trực tiếp nuôi, anh Đ không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 6 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vi Văn Đ.

*** Về con chung:**

Giao các con chung là Vi Hải S, sinh ngày 11/02/2010 và Vi Minh K, sinh ngày 25/3/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi. Anh Vi Văn Đ không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*** Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002312 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về kháng cáo:**

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình

thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai Hồng